BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: **Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Sông Đà**
Năm báo cáo : **2015**

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

- Việc thành lập: Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Sông Đà là đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà - Bộ Xây Dựng. Công ty được thành lập theo Quyết định số 1302/QĐ-BXD ngày 18/10/2002 và Quyết định số 1653/QĐ-BXD ngày 09/12/2002 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc thành lập Công ty cổ phần trên cơ sở tách từ Trạm bê tông thương phẩm của Công ty Cổ phần Sông Đà 9.

- Niêm yết: Cổ phiếu của công ty đang giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

2. Quá trình phát triển

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; bê tông thương phẩm;

+ Sản xuất lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép;

+ Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, các công trình thuỷ lợi, giao thông, đường bộ, các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế đến 110KV; thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, điện lạnh....

+ Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên, nhiên vật liệu, vật tư thiết bị, phụ tùng máy xây dựng

+ Sản xuất kinh doanh que hàn

+ Kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị và khu công nghiệp

+ Sản xuất kinh doanh điện

+ Tư vấn giám sát xây dựng.

+ Trang trí ngoại thất công trình;

Signature Not Verified
Ký bởi: CHU THỊ ÁNH
Ký ngày: 15/4/2016 17:30:52

+ Cho thuê văn phòng, nhà ở, kho bãi, nhà xưởng, bãi đỗ xe;

+ Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống giải khát

+ Sản xuất, mua bán xi măng

+ Đại lý kinh doanh xăng dầu, mỡ nhờn, khí đốt

+ Nhận uỷ thác đầu tư cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước

+ Dịch vụ vận tải hàng hoá bằng ôtô theo hợp đồng

+ Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp

+ Kinh doanh bất động sản

+ Đầu tư xây dựng công viên; Quản lý, điều hành công viên, khu vui chơi giải trí công cộng

+ Kinh doanh, xuất nhập khẩu thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu sản xuất bao bì và in ấn bao bì;

+ Sản xuất, kinh doanh thiết bị trong lĩnh vực trường học, giáo dục, y tế, thiết bị nghiên cứu khoa học và thí nghiệm;

+ Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí phục vụ trong ngành xây dựng, giáo dục và y tế.

- Tình hình hoạt động năm 2015: Chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh trong cũng như ngoài nước, vốn đầu tư của các dự án mà Công ty đảm nhận thi công gặp khó khăn đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu như sản lượng, doanh thu không đạt được như kế hoạch đề ra tại đại hội đồng cổ đông năm 2015.

3. Định hướng phát triển của Công ty

a. Các mục tiêu chủ yếu:

* Hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2015:

Đơn vị tính: 1000 đồng

- Tổng giá trị SXKD	: 27.399.480
+ Giá trị kinh doanh xây lắp	: 16.414.902
+ Giá trị hoạt động khác	: 6.685.967
+ Giá trị hoạt động tài chính	: 4.298.611

- Các chỉ tiêu tài chính:

+ Doanh thu : 30.072.861

+ Tiền về tài khoản : 34.444.858

+ Nộp Nhà nước : 217.962

+ Lợi nhuận trước thuế : (23.265.700)

+ Lợi nhuận sau thuế : (23.265.700)

+ Thu nhập BQ/1CBCNV/tháng : 5.000.000 đồng/người/tháng

b. Chiến lược phát triển của Công ty:

+ Triển khai thực hiện Dự án Khu công nghiệp Yên Phong II, kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước thực hiện dự án

+ Dự án số 5 Lạc Long Quân – Hà Nội: Công ty đang triển khai liên doanh, liên kết hoặc chuyển sang thực hiện làm nhà liền kề, hoặc trung tâm thương mại.

+ Khai thác thế mạnh của Công ty về công tác xử lý hạ tầng để triển khai thi công các công trình: Khu công nghiệp Yên Phong II và các dự án tại Hà Nội; vùng lân cận, mở rộng ra các công trình giao thông.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty

1. Kết quả hoạt động trong năm 2015:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ thực hiện so với KH (%)
I	**Tổng giá trị SXKD**	**10^3 đồng**	**27.399.480**	**18**
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10^3 đồng	16.414.902	
2	Giá trị hoạt động khác	10^3 đồng	6.685.967	
3	Giá trị hoạt động tài chính	10^3 đồng	4.298.611	
II	**Các chỉ tiêu tài chính**			
1	Doanh thu	10^3 đồng	30.072.861	22

2	Tiền về tài khoản	10^3 đồng	34.444.858	
3	Nộp ngân sách	10^3 đồng	217.962	5
4	Lợi nhuận trước thuế	10^3 đồng	(23.265.700)	
5	Lợi nhuận sau thuế	10^3 đồng	(23.265.700)	
6	Thu nhập bình quân/1CBCNV	10^3 đồng	5.000	83

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

- Trong năm 2015, Hội đồng quản trị Công ty đã đưa ra nhiều định hướng chiến lược quan trọng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với mục tiêu tăng trưởng bền vững, lấy hiệu quả và nâng cao giá trị doanh nghiệp làm trọng tâm.

- Một trong những chủ trương quan trọng của Hội đồng quản trị trong năm 2015 là không đầu tư dàn trải, dừng góp vốn, tiến tới thoái vốn đã đầu tư vào các Công ty bên ngoài để tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi. Bên cạnh đó tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc, trong năm 2015 công ty đã tinh giảm biên chế thành bộ máy gọn nhẹ nên chi phí quản lý giảm đáng kể .

3. Kế hoạch trong tương lai:

- Tập trung kêu gọi đầu tư khu Yên Phong II – Bắc Ninh, thành lập công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện dự án trên.

- Kiện toàn công tác tổ chức các bộ phận phòng ban đến các xí nghiệp, đội sản xuất để nâng cao hiệu quả công việc, thu hút người tài về đơn vị gắn bó lâu dài với Công ty.

- Thực hiện luân chuyển cán bộ, tạo sự năng động hiệu quả trong quản lý điều hành Công ty.

- Kiểm tra năng lực xe máy thiết bị sẵn có, tiếp tục đổi mới công nghệ nhằm đáp ứng được nhu cầu SXKD trong tình hình mới đảm bảo thắng lợi các nhiệm vụ SXKD năm 2016.

- Trả lương cho công nhân trực tiếp theo hướng lương khoán bằng đơn giá nội bộ và dự toán thi công, lương khối gián tiếp thực hiện trả lương cứng.

- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự gắn bó của người lao động với Công ty.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2015

TT	Nội dung	ĐVT	Báo cáo Công ty mẹ	Báo cáo Hợp nhất
1	Khả năng sinh lời:			
	- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	-90	-77
	- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	-5	-4
2	Khả năng thanh toán:			
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,60	1,54
	- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,11	1,27
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,001	0,02
3	Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2015	đồng/CP	8.463	9.191

- Những thay đổi về vốn cổ đông:
  + Số cổ phiếu phát hành đầu năm : 20 950 000 CP
  + Số cổ phiếu tăng bổ sung trong năm : 0 CP
  Tổng Cộng : 20 950 000 CP
- Số lượng cổ phiếu theo từng loại:
  + Cổ phiếu phổ thông : 20 950 000 CP
  + Cổ phiếu ưu đãi : 0 CP
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:
  + Cổ phiếu phổ thông : 20 539 500 CP
  + Cổ phiếu ưu đãi : 0 CP
- Số lượng cổ phiếu quỹ : 410 500 CP
- Cổ tức : 0 %

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng giá trị sản xuất kinh doanh: 27,4/149,6 tỷ đồng đạt 18%KH năm 2015.
- Doanh thu : 30,1/134,7 tỷ đồng đạt 22% KH năm 2015.
- Lợi nhuận sau thuế : -23,2/10,1 tỷ đồng đạt -229% KH năm 2015.
- Nộp Ngân sách nhà nước : 217,96 triệu đồng đạt 5% KH năm 2015
- Thu nhập BQ của CBCNV : 5triệu đồng /người/ tháng đạt 86% KH năm 2015

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt kế hoạch chủ yếu là do thiếu việc làm, các công trình xây lắp của Công ty đang thực hiện do Chủ đầu tư thay

đổi thiết kế nên phải kéo dài tiến độ hoặc dừng thi công như: công trình Booyoung, Sam sung Thái Nguyên,.. dẫn đến máy móc, thiết bị phải nằm chờ nên chi phí sản xuất tăng cao. Mặt khác, các dự án bất động sản đình trệ, đóng băng do vậy các dự án đang triển khai phải dừng, lãi suất vay vốn đầu tăng như: dự án số 5 Lạc Long Quân, Yên Phong, .. vì vậy năm 2015 chưa có doanh thu từ các dự án bất động sản.

Một số khoản phải thu đã quá hạn khó có khả năng thu hồi, năm 2015 Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng Sông Đà đã đã trích lập dự phòng theo quy định là 15.455.297.034, đồng

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

** Công tác quản lý điều hành SXKD và sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp*

- Sắp xếp lại các phòng ban, đơn vị trực thuộc như: Rút Ban Quản lý dự án Yên Phong về làm việc tại trụ sở Công ty. Thu gọn mô hình Xí nghiệp Sico 5, Sico 6 thành đội thi công trực tiếp (như đội cọc nhồi, đội C3 Lê Văn Lương...) để tiết kiệm chi phí đồng thời đảm bảo hiệu quả công việc.

- Thanh lý, chuyển nhượng những tài sản không có nhu cầu sử dụng hoặc hiệu quả sử dụng không cao.

** Công tác quản lý kỹ thuật và an toàn lao động:*

- Duy trì và thực hiện tốt công tác lập hồ sơ và biện pháp thi công của tất cả các công trình trước khi triển khai thi công, trong đó đề ra các biện pháp đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

- Công tác an toàn và bảo hộ lao động thực hiện đi vào nề nếp, Cán bộ Công ty thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành nội quy, quy định về công tác an toàn lao động tại các công trường. Vì vậy trong năm 2015 không để xẩy ra trường hợp tai nạn lao động nào.

** Công tác quản lý vật tư – cơ giới:*

- Đảm bảo nhu cầu năng lực xe máy và cung cấp đủ nguyên vật liệu phục vụ thi công các công trình.

- Không để xảy ra tai nạn và sự cố máy móc thiết bị trong khi làm việc.

- Duy trì thực hiện tốt công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên xe máy, thiết bị đúng quy trình.

- Đã thành lập bộ phận chuyên trách mảng vật tư cơ giới và thường xuyên tiến hành kiểm kê vật tư và thiết bị nhằm tránh lãng phí và thất thoát.

** Công tác Kinh tế - Kế hoạch:*

- Xây dựng đầy đủ kế hoạch SXKD hàng tháng, quý và năm.

- Xây dựng, điều chỉnh và hoàn thiện các quy chế: tiền lương, quy chế giao khoán đội công trình làm cơ sở để các đơn vị thực hiện.

- Tổ chức soạn thảo, ký kết và quản lý các hợp đồng kinh tế theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định của Công ty đảm bảo hiệu quả kinh tế.

** Công tác Tài chính- Kế toán:*

- Thực hiện công tác lập và nộp báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm đúng và đủ theo quy định của UBCK, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Trung tâm lưu ký chứng khoán và các cơ quan quản lý Nhà nước.

- Quan hệ tốt với các Ngân hàng, tổ chức tài chính để huy động vốn đáp ứng cho nhu cầu SXKD. Lập kế hoạch tín dụng và đảm bảo việc chi trả các khoản nợ đúng hạn để giữ uy tín với các tổ chức tín dụng.

- Thường xuyên kiểm tra công tác tài chính các đơn vị nhằm chấn chỉnh, ngăn ngừa kịp thời việc vi phạm các quy định về quản lý tài chính của Bộ tài chính.

** Công tác đầu tư:*

- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư, liên danh với một số đối tác để làm chủ đầu tư các dự án mới như: Yên Phong II, Lạc Long Quân.

- Xây dựng, hoàn thiện các quy chế quản lý và thực hiện các dự án đầu tư.

** Công tác Tổ chức – Lao động:*

- Chấp hành đúng các quy định quản lý lao động hiện hành, lo đủ việc làm cho người lao động, thu nhập bình quân đạt 5triệu đồng/tháng/người

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Thi công phần việc còn lại của các công trình dở dang từ năm trước như: phần hầm C3 – Lê Văn Lương, khoan cọc nhồi tại Vũng Áng.

- Tập trung nhân lực, máy móc để triển khai thi công tiếp các công trình thuộc dự án của Booyoung như: nén tĩnh CT6, khoan cọc nhồi tại CT4, thi công hầm tại CT7, bãi đỗ xe Trần Nhật Duật, Nguyễn Công Hoan, khoan cọc nhồi của HUD4 Thanh Hóa,...

- Đẩy nhanh công tác nghiệm thu, quyết toán tại các công trình thi công từ những năm trước như: Hồ Gươm Plaza, Viện Khoa học, Viện Nhiệt đới, công an Long Biên, Hiệp Phước…

Về hoạt động đầu tư:

- Dự án KCN Yên Phong II – Bắc Ninh : Năm 2016 tập trung kêu gọi đầu tư, huy động vốn từ các tổ chức tín dụng, từ việc phát hành cổ phiếu cho các cổ đông chiến lược, hoàn thiện các thủ tục còn thiếu để giải phóng mặt bằng 37,2 ha /46,4 ha (đợt 1 và 2 – giai đoạn I)

- Các dự án khác: Đề nghị UBND các tỉnh xin kéo dài tiến độ thực hiện dự án, tìm kiếm liên doanh, liên kết hoặc chuyển nhượng khi đủ điều kiện các dự án sau:

+ Dự án nhà thấp tầng tại TP Bắc Ninh với quy mô 2,7 ha tổng mức khoản 140 tỷ đồng;

+ Dự án KCN Quốc Tuấn – An Bình – Hải Dương quy mô 180 ha tổng mức đầu tư khoảng 1.105 tỷ đồng;

+ Dự án KCN Kim Bảng – Hà Nam quy mô 300 ha tổng mức đầu tư khoảng 1.842 tỷ đồng;

+ Dự án số 5 Lạc Long Quân – Hà Nội tổng mức đầu tư khoảng 269 tỷ đồng;

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

1. Báo cáo Tài chính Công ty mẹ và báo cáo hợp nhất đã được kiểm toán độc lập

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**321.569.973.658**	**352.629.597.361**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**150.281.261**	**1.122.322.009**
1. Tiền	111		150.281.261	1.122.322.009
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**169.248.924.676**	**186.390.846.800**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	57.921.232.255	64.132.201.159
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	14.759.521.003	13.227.256.891
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	132.473.193.191	132.669.686.331
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(35.905.021.773)	(23.638.297.581)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**5.5**	**146.019.804.011**	**156.852.013.886**
1. Hàng tồn kho	141		148.467.624.448	156.852.013.886
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.447.820.437)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**6.150.963.710**	**8.264.414.666**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		371.880.079	371.880.079
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.6	5.779.083.631	7.892.534.587
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**144.158.844.390**	**140.862.764.828**
II. Tài sản cố định	**220**		**32.132.535.666**	**38.049.750.293**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	30.238.868.770	35.789.552.145
- Nguyên giá	*222*		*67.222.129.750*	*67.222.129.750*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(36.983.260.980)*	*(31.432.577.605)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	1.893.666.896	2.260.198.148
- Nguyên giá	*225*		*3.284.068.182*	*3.284.068.182*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		*(1.390.401.286)*	*(1.023.870.034)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**43.824.500.546**	**33.621.136.915**
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	43.824.500.546	33.621.136.915
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5.10**	**67.891.168.234**	**67.891.168.234**
1. Đầu tư vào công ty con	251		66.460.000.000	66.460.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		100.000.000	100.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.933.445.000	3.933.445.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.602.276.766)	(2.602.276.766)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**310.639.944**	**1.300.709.386**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	310.639.944	1.300.709.386
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**465.728.818.048**	**493.492.362.189**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

		MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**291.903.083.590**	**296.400.926.859**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**270.492.460.413**	**273.841.813.682**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	65.264.071.420	65.245.449.971
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.050.187.549	12.352.019.466
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	27.040.168.178	27.003.031.327
4.	Phải trả người lao động	314		12.224.831.621	9.355.883.984
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	5.795.579.413	147.514.100
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	7.195.245.666	6.197.063.532
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	53.339.493.719	54.766.865.377
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	82.612.164.176	93.741.975.854
12.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.970.718.671	5.032.010.071
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**21.410.623.177**	**22.559.113.177**
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		18.253.728.929	18.253.728.929
7.	Phải trả dài hạn khác	337		1.403.200.000	1.403.200.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		1.753.694.248	2.902.184.248
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)**	**400**		**173.825.734.458**	**197.091.435.330**
I-	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.18**	**173.825.734.458**	**197.091.435.330**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		209.500.000.000	209.500.000.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		209.500.000.000	209.500.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		650.501.870	650.501.870
4.	Cổ phiếu quỹ	415		(7.525.875.398)	(7.525.875.398)
7.	Quỹ đầu tư phát triển	418		15.964.819.495	15.964.819.495
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(44.763.711.509)	(21.498.010.637)
	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		*(21.498.010.637)*	*(18.854.002.067)*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		*(23.265.700.872)*	*(2.644.008.570)*
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**465.728.818.048**	**493.492.362.189**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	25.774.250.185	55.790.806.219
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		25.774.250.185	55.790.806.219
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	29.741.840.588	49.769.034.404
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	**20**		**(3.967.590.403)**	**6.021.771.815**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	4.298.611.684	4.509.132.732
7. Chi phí tài chính	22	5.22	6.391.281.648	6.503.394.736
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*6.391.281.648*	*6.503.394.736*
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		16.579.690.505	6.075.946.237
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**(22.639.950.872)**	**(2.048.436.426)**
11. Thu nhập khác	31	5.23	-	2.584.730.001
12. Chi phí khác	32	5.23	625.750.000	3.180.302.145
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	**40**		**(625.750.000)**	**(595.572.144)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	**50**		**(23.265.700.872)**	**(2.644.008.570)**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	**60**		**(23.265.700.872)**	**(2.644.008.570)**

2. Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán:

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

		MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**434.714.737.815**	**489.652.724.751**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5.1**	**5.892.323.251**	**15.615.092.029**
1.	Tiền	111		5.892.323.251	15.615.092.029
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**2.003.188.850**	**2.003.188.850**
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	2.093.175.000	2.093.175.000
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(89.986.150)	(89.986.150)
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**255.021.493.669**	**286.600.888.100**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	96.060.838.577	105.196.620.793
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		32.770.661.530	31.559.282.062
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	159.397.339.916	169.841.411.310
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(33.207.346.354)	(20.202.869.757)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	206.443.692
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**		**162.120.100.497**	**173.552.418.241**
1.	Hàng tồn kho	141	5.5	164.567.920.934	173.552.418.241
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.447.820.437)	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**9.677.631.548**	**11.881.137.531**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	1.254.151.534	1.254.151.534
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.423.480.014	10.626.985.997
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**100.521.480.405**	**99.357.926.735**
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**42.171.483.634**	**48.650.825.129**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	40.277.816.738	46.390.626.981
-	*Nguyên giá*	*222*		*95.614.849.065*	*96.545.174.664*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(55.337.032.327)*	*(50.154.547.683)*
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.7	1.893.666.896	2.260.198.148
-	*Nguyên giá*	*225*		*3.284.068.182*	*3.284.068.182*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		*(1.390.401.286)*	*(1.023.870.034)*
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**44.991.451.504**	**34.788.087.873**
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	44.991.451.504	34.788.087.873
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**5.9**	**4.033.445.000**	**4.033.445.000**
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		100.000.000	100.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.933.445.000	3.933.445.000
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**9.325.100.267**	**11.885.568.733**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	1.335.330.525	2.325.399.967
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		922.974.134	922.974.134
5.	Lợi thế thương mại	269		7.066.795.608	8.637.194.632
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)		**270**		**535.236.218.220**	**589.010.651.486**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

		MS	TM	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**346.464.753.557**	**380.332.580.145**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**343.307.859.309**	**376.227.195.897**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	119.807.763.344	126.462.929.508
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		32.553.999.955	32.868.182.984
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	38.704.532.721	45.480.554.800
4.	Phải trả người lao động	314		15.521.765.448	12.507.493.776
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	28.105.667.185	23.563.834.651
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	7.195.245.666	6.197.063.532
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	25.742.308.333	35.684.785.246
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	70.647.274.302	88.371.157.645
12.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.029.302.355	5.091.193.755
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**3.156.894.248**	**4.105.384.248**
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	5.13	-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		1.403.200.000	1.203.200.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	1.753.694.248	2.902.184.248
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)**	**400**	**5.17**	**188.771.464.663**	**208.678.071.341**
I-	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.17**	**188.771.464.663**	**208.678.071.341**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		209.500.000.000	209.500.000.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu*	*411a*		209.500.000.000	209.500.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		818.833.250	818.833.250
5.	Cổ phiếu quỹ	415		(7.525.875.398)	(7.525.875.398)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		17.863.398.338	17.863.398.338
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(73.087.228.318)	(50.951.046.603)
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	421a		*(50.948.045.603)*	*(50.951.046.603)*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	421b		*(22.139.182.715)*	-
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		41.202.336.791	38.972.761.754
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)		**440**		**535.236.218.220**	**589.010.651.486**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	28.822.494.006	153.547.746.586
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		28.822.494.006	153.547.746.586
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.19	29.460.393.719	144.564.288.718
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	**20**		**(637.899.713)**	**8.983.457.868**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	8.299.230.400	3.852.265.774
7.	Chi phí tài chính	22	5.21	10.276.938.814	7.699.096.103
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*10.276.938.814*	*1.783.684.261*
9	Chi phí bán hàng	25	5.22	218.158.801	919.363.975
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	23.114.250.517	12.170.757.068
11	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}**	**30**		**(25.948.017.445)**	**(7.953.493.504)**
12	Thu nhập khác	31	5.23	10.354.670.985	26.696.334.508
13	Chi phí khác	32	5.23	3.076.002.872	21.435.660.193
14	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	**40**		**7.278.668.113**	**5.260.674.315**
15	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	**50**		**(18.669.349.332)**	**(2.692.819.189)**
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	1.240.257.346	403.339.737
18	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	**60**		**(19.909.606.678)**	**(3.096.158.926)**
19	Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		(22.139.182.714)	(3.595.777.273)
20	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		2.229.576.036	499.618.347
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	(1.078)	128

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán độc lập

1. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM)

2. Ý kiến kiểm toán độc lập:

- Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty không thu thập được các dữ liệu về tài chính của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, đầu tư khác với giá trị là 4,03 tỷ đồng, với các tài liệu hiện có chúng tôi không thể đưa ra các điều chỉnh cần thiết về các khoản đầu tư này trên Báo cáo tài chính của Công ty

- Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

VI. Các công ty có liên quan

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Sico : 15,3 tỷ đồng chiếm 51% VĐL
- Công ty Cổ phần Sico Yên Hoà : 4,2 tỷ đồng chiếm 70% VĐL
- Công ty CP Sông Đà Đồng Nai : 38,96 tỷ đồng chiếm 54,84% VĐL
- Công ty TNHH Sico Đồng Bằng : 8 tỷ đồng chiếm 53,3% VĐL

2. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

- Công ty Cổ phần TM Nam Sài Gòn : 1,54 tỷ đồng chiếm 5% VĐL
- Công ty Cổ phần Sico Thảo Điền : 2,24 tỷ đồng chiếm 2,24% VĐL

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức của công ty:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được mô tả theo sơ đồ:

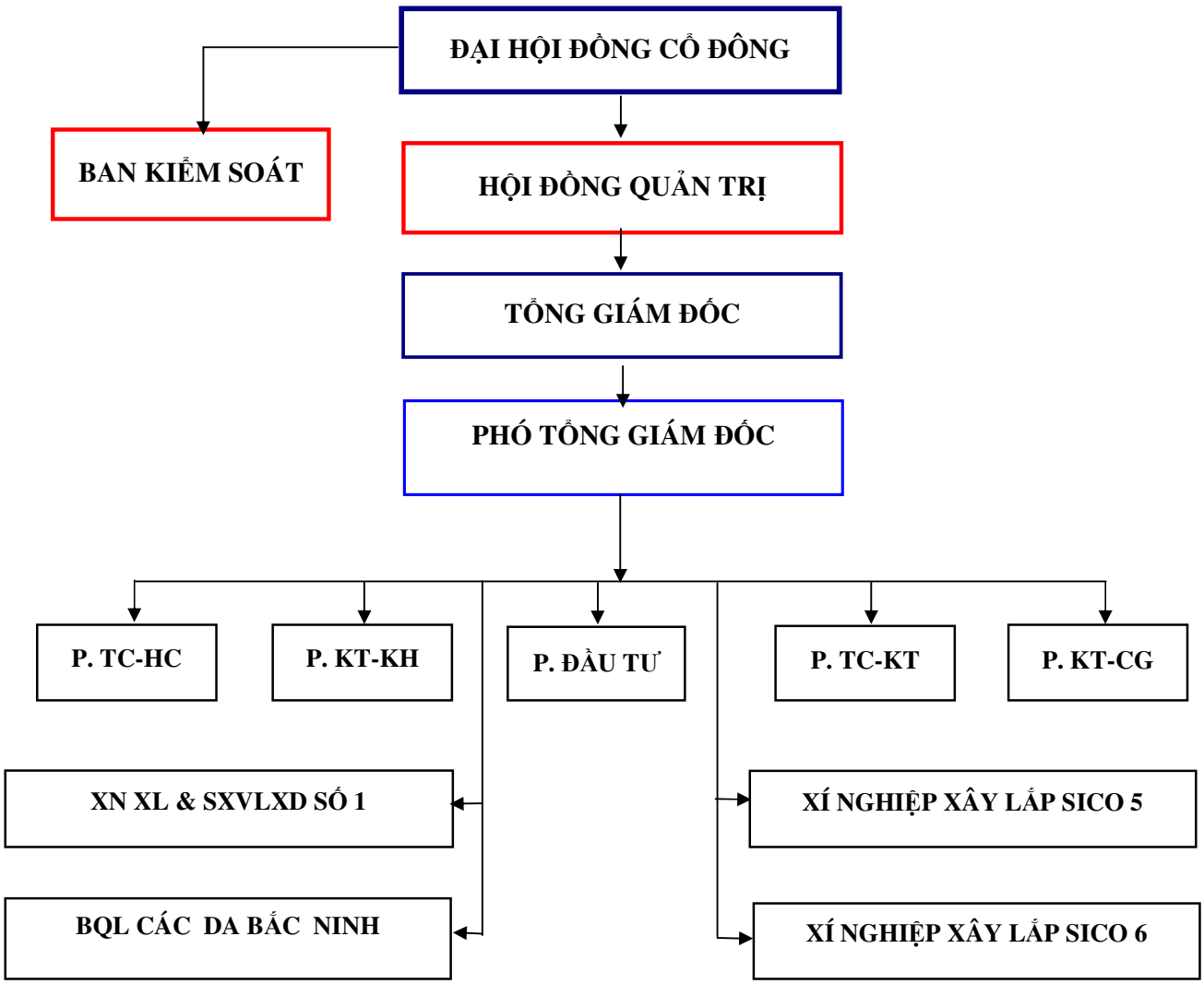

2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban tổng giám đốc điều hành:

Tổng Giám đốc : Vũ Văn Bẩy

Ngày sinh : 06/03/1962

Địa chỉ thường trú : P113 - Nhà E8 – Thanh Xuân Bắc - Hà Nội

Trình độ văn hoá :12/12

Trình độ chuyên môn : CN TCKT

Chức vụ hiện tại : CT HĐQT kiêm TGĐ – Cty CP XD HT Sông Đà.

Phó Tổng giám đốc : Lưu Tuấn Hùng

Ngày sinh : 07/07/1961

Địa chỉ thường trú : P 308- Nhà T1, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Chức vụ hiện tại : UV HĐQT kiêm Phó TGĐ Cty CP XD HT Sông Đà.

Phó Tổng giám đốc : Vũ Ngọc Long

Ngày sinh : 01/01/1966

Địa chỉ thường trú : Nhà 17- Ngõ 7, Đường Chiến Thắng, Hà Đông, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : CN TCKT

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc Cty CP XD HT Sông Đà

Phó Tổng giám đốc : Nguyễn Ngọc Lộc

Ngày sinh : 20/09/1961

Địa chỉ thường trú : P17 – K8 - Bách Khoa – Hai Bà Trưng - Hà Nội

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế xây dựng

Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc Cty CP XD HT Sông Đà kiêm Giám đốc XN XL Sico 5

3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm: Không

4. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Số lượng cán bộ công nhân viên toàn công ty tính đến 31/12/2015 là 120 người, trong đó:

STT	Trình độ	Số lượng (người)
1	Trình độ đại học	16
2	Trình độ cao đẳng	06
3	Trung cấp nghề	08
4	Sơ cấp, cán sự	05
5	Công nhân	34
6	Lao động	51
	Tổng cộng	**120**

5. Chính sách đối với người lao động:

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương khoán theo tỷ lệ hoàn thành kế hoạch đề ra và căn cứ vào trình độ chuyên môn. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên đảm bảo tốt các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

6. Về công tác đào tạo:

Công ty có chiến lược đào tạo khá cụ thể như đào tạo nâng bậc, đào tạo kèm cặp cho người lao động mới. Bên cạnh đó, Công ty cũng đăng ký tham gia những chương trình đào tạo quản trị kinh doanh cho đội trưởng và các nhà quản trị cấp dưới, chương trình đào tạo về công tác kỹ thuật cho cán bộ kỹ thuật, về nghiệp vụ tư vấn giám sát.

7. Về chính sách khen thưởng:

Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

8. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng trong năm 2015: không

VIII. Thông tin cổ đông và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên, trong đó:

+ Ông Vũ Văn Bẩy : Chủ tịch HĐQT

+ Ông Lưu Tuấn Hùng : Uỷ viên HĐQT

+ Ông Trần Đại Tùng : Uỷ viên HĐQT (TV độc lập không điều hành)

+ Ông Nguyễn Văn Phúc : Uỷ viên HĐQT (TV độc lập không điều hành)

+ Ông Đặng Văn Thăng : Uỷ viên HĐQT (TV độc lập không điều hành)

- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên, trong đó:

+ Bà Trần Thị Chung : Trưởng ban (TV độc lập không điều hành)

+ Ông Trần Quang Khải : Thành viên BKS

+ Ông Trần Bùi Học : Thành viên BKS (TV độc lập không điều hành)

* Hoạt động của HĐQT:

- Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty luôn bám sát tình hình thực hiện của đơn vị, có đồng thuận rất cao của Hội đồng quản trị và là sự kết tinh trí tuệ của mỗi thành viên HĐQT; các quy chế quản lý không ngừng được hoàn thiện, công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được tăng cường. Ngoài ra các thành viên Hội đồng quản trị đã tích cực tham gia cùng Ban Tổng giám đốc điều hành của Công ty trực tiếp chỉ đạo các đơn vị, các phòng ban trong quá trình triển khai thực hiện các nghị quyết trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

* Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Kiểm tra, rà soát lại các văn bản quản lý nội bộ đã ban hành đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật mới ban hành và tình hình phát triển của Công ty.

- Kiểm tra thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2015, các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo tính phù hợp về thẩm quyền trong công việc ra quyết định.

-Thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc Công ty và thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo quản trị Công ty; đảm bảo các báo cáo phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm báo cáo.

-Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã tổ chức họp 2 lần, nội dung cuộc họp tập trung kiểm điểm tình hình hoạt động của Ban kiểm soát và triển khai các công việc tiếp theo; phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty.

* Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT trong năm 2015:

- Do kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2015 không hoàn thành kế hoạch đề ra, vì vậy thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thư ký HĐQT Công ty không nhận lương và thù lao.

2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông lớn, cổ đông nội bộ và những người có liên quan như sau:

Giao dịch cổ phiếu (tỷ lệ được tính trên số cổ phiếu lưu hành của công ty):

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %
1	Vũ Văn Bẩy		238.488	1,160	238.488	1,160
2	Lưu Tuấn Hùng		85 875	0,418	85 875	0,418
3	Trần Đại Tùng		3 000	0,015	3 000	0,015
4	Nguyễn Văn Phúc		10 000	0,049	10 000	0,049
5	Đặng Văn Thăng		2 700	0,013	2 700	0,013
6	Trần Thị Chung		3 000	0,015	3 000	0,015
7	Trần Quang Khải		7 200	0,035	7 200	0,035
8	Trần Bùi Học		0	0,000	0	0,000
9	Vũ Ngọc Long		0	0,000	0	0,000
10	Nguyễn Ngọc Lộc		65 000	0,316	65 000	0,316
11	Chu Thị Ánh		6 000	0,029	6 000	0,029
12	Công ty CP Sông Đà 9		1 862 800	9,069	1 862 800	9,069
13	Tạ Thị Mùi	vợ	25 900	0,126	25 900	0,126
14	Phạm Thu Giang	vợ	348 625	1,697	348 625	1,697
15	Vũ Thị Tám	NCLQ	4 000	0,019	4 000	0,019
16	Lucerne enterprise LTD	CĐL	4.195.800	20,430	4.275.800	20,817
17	Asean small cap fund	CĐL	1 963 800	9, 561	1 963 800	9, 561
18	Chu Thị Thu Trang	CĐL	1 528 900	7,444	1 528 900	7,444

Nơi nhận:
- *Sở GDCK Hà Nội*
- *Uỷ ban CK Nhà nước*

CÔNG TY CP XÂY DỰNG HẠ TẦNG SÔNG ĐÀ